TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 28, 10 – 14/07/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Chứng khoán toàn cầu hòa cùng nhịp tăng"

Tiêu điểm vĩ mô và chứng khoán thế giới:

- Tỷ lệ thất nghiệp trong T6 giảm xuống mức 3.6% từ mức 3.7% trong T5, đây cũng là mức dự báo của các chuyên gia. Các số liệu này cho thấy thị trường việc làm của Mỹ vẫn còn mạnh.
- Lạm phát CPI tháng 6 giảm xuống 3.0%, dưới mức kỳ vọng là 3.1%. Lạm phát CPI cơ bản giảm xuống 4.8%, dưới mức kỳ vọng là 5.0%. Đây là lần đầu tiên CPI cơ bản ở mức dưới 5.0% kể từ tháng 12 năm 2021.
- Trong 12 tháng gần nhất, tính đến tháng 6/2023, chỉ số giá sản xuất tăng 0.1%. Đó là mức tăng hàng năm nhỏ nhất kể từ tháng 8 năm 2020, theo sau mức tăng 0.9% trong tháng Năm.
- Chứng khoán thế giới: Chỉ số Dow tăng 1.9% với thanh khoản sụt giảm, tiệm cận vùng kháng cự 34,500.

Đánh giá: Số liệu trên cho thấy chính sắt thắt chặt tiền tệ của FED có hiệu quả, khi họ chỉ còn cách lạm phát mục tiêu 1% (mục tiêu 2%). Thông tin trên đã lan tỏa hiệu ứng tích cực đến thị trường chứng khoán thế giới. Tuy nhiên, để chỉ số Dow vượt khỏi kháng cự thì cần nhiều hơn những thông tin tích cực nữa.

Tiêu điểm vĩ mô và chứng khoán trong nước:

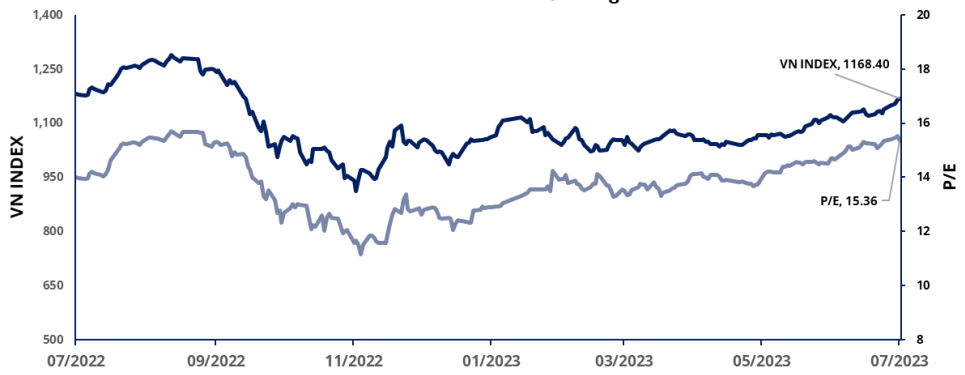
- NHNN đã điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2023 cho các TCTD với mức giao toàn hệ thống khoảng 14%.
- Chính phủ yêu cầu tiếp tục giảm lãi suất cho vay ít nhất 1.5-2%.
- Thanh khoản hệ thống ngân hàng dồi dào với lãi suất liên ngân hàng 0.5%/năm và không phát sinh giao dịch trên thị trường OMO.
- Chứng khoán Việt Nam: Trong tuần qua, VNINDEX tăng liên tục không ngừng nghỉ. Cụ thể, thị trường tăng 30 điểm trong tuần này (+2.67%), thanh khoản gia tăng mạnh so với tuần trước. Chỉ báo STOCH RSI đã vào vùng quá mua.

Khuyến nghị: Ưu tiên nắm giữ đối với những cổ phiếu đang giữ xu hướng tốt, hạn chế mua mới với những cổ phiếu đã cách xa đường MA 10 và MA 20. Tâm lý hưng phấn của thị trường có thể sẽ kết thúc bất cứ lúc nào sau khi thông tin liên quan chính sắt tiền tệ mở rộng của Việt Nam và kì vọng KQKD Q2/2023 cải thiện đang phản ánh dần vào giá.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,168	2.7	4.6	11.0	16.0		15.9	1.8	196
Upcom Index	86	1.9	1.7	9.7	20.4		12.6	1.3	45
HNX Index	230	1.9	0.6	11.1	12.1		29.4	1.3	11
VN30 Index	1,161	2.8	4.5	9.1	15.5		12.9	1.7	140
S&P 500 Index	4,510	2.5	3.1	9.0	17.5		21.6	4.4	39,325
STOXX Europe 600 Index	461	3.1	-0.7	-1.2	8.6		13.5	1.7	14,098
Hang Seng	19,414	5.7	0.0	-5.0	-1.9		9.9	1.1	2,840
Nikkei 225	32,391	0.0	-3.3	13.7	24.1		31.6	2.0	4,110
SHCOMP Index	3,238	1.3	0.3	-3.0	4.8		14.5	1.4	6,693
STI Index	3,249	3.5	0.9	-1.6	-0.1		12.1	1.1	383
KOSPI Index	2,628	4.0	0.4	2.2	17.5		15.3	1.0	1,569

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Hoàng Nam
(84-28) 90 2778927
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất

Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	2.7	4.5	14.8	20.7	11.7	36.8	69.3	-0.7	13.1	1.8	4,035,635
Mid Cap	2.8	6.0	26.6	24.2	11.2	25.7	28.8	0.5	21.0	1.2	553,388
Small Cap	2.4	0.8	18.1	31.4	3.0	2.2	1.9	0.1	37.8	0.7	67,084

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Bán lẻ	7.4	17.8	18.7	31.1	56.9	97.7	3.6	0.3	6.9	1.2	98,834
Tài chính	5.4	10.4	61.4	3.9	1.3	19.1	13.7	-2.4	40.7	1.1	151,471
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.9	6.7	1.9	33.6	41.3	77.6	1.6	0.1	12.0	1.1	52,833
Thực phẩm và đồ uống	4.2	4.7	-3.5	13.2	14.5	48.8	9.4	-0.7	25.7	1.0	477,275
Công nghệ Thông tin	4.1	7.0	18.2	13.6	21.5	45.9	0.8	-0.1	19.0	1.1	113,945
Bất động sản	3.7	-0.2	9.9	32.7	2.7	14.4	18.9	1.5	14.1	1.0	826,085
Tiện ích	3.5	3.8	7.4	28.2	27.0	28.1	1.9	0.1	12.3	1.0	326,988
Xây dựng và vật liệu	2.8	8.3	39.3	28.3	9.5	29.7	8.1	0.4	30.8	1.1	121,712
Hóa chất	2.5	15.6	30.6	16.4	18.8	52.9	5.4	-0.3	10.0	1.2	171,008
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	2.5	8.7	22.5	18.1	7.6	44.4	5.6	-0.2	13.0	1.1	126,769
Du lịch và Giải trí	2.5	0.7	-7.6	14.4	11.4	44.4	1.0	-0.1	n.a	1.0	93,886
Bảo hiểm	2.3	3.6	2.6	29.9	10.2	60.2	0.5	0.0	18.2	1.0	46,643
Dầu khí	1.4	7.5	31.4	-6.4	1.9	25.0	1.1	-0.3	36.1	1.1	65,948
Ngân hàng	1.4	3.2	20.5	39.9	22.2	41.2	19.3	2.5	9.2	1.0	1,719,807
Tài nguyên cơ bản	0.9	15.9	48.9	9.0	4.2	29.5	8.4	-1.0	6.9	1.2	208,514
Dược và Y tế	-1.1	3.3	28.1	31.5	5.1	-11.9	0.2	0.0	15.0	1.0	39,045
Ô tô & Phụ tùng	-1.4	-3.6	2.4	42.6	22.5	25.6	0.5	0.1	11.2	1.0	13,708
Truyền thông	-4.3	-8.0	40.2	-15.3	-42.8	-48.1	0.0	0.0	17.8	0.9	1,235

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,897**	**13.6**	**9.5**	**-85.8**	**241.6**
Nước ngoài	**2,738**	**12.9**	**18.2**	**-54.6**	**252.9**
VanEck Vectors Vietnam ETF	575	4.1	7.5	-12.1	80.4
Fubon FTSE Vietnam ETF	900	-3.0	-3.6	2.0	67.5
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	651	-15.9	-40.5	-106.5	32.2
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	373	1.4	6.6	12.3	66.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	205	26.3	48.2	49.7	4.5
Premia MSCI Vietnam ETF	17	0.0	0.0	0.0	0.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	6	0.0	0.0	0.0	1.3
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,159**	**0.7**	**-8.7**	**-31.2**	**-11.3**
DCVFMVN Diamond ETF	596	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	351	0.8	-8.3	-30.1	-11.1
SSIAM VNFIN LEAD ETF	171	-0.2	-0.7	-1.4	-0.2
MAFN VN30 ETF	26	0.0	0.0	-0.1	-0.4
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	0.0	-0.5
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	4	0.1	0.2	0.5	0.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-8,437	48,189	48,189
Ấn độ	266	1,601	1,601	12,767
Indonesia	37	79	79	1,169
Nhật Bản*	1,277	1,277	1,277	48,162
Maylaysia	22	-32	-32	-962
Philippines	2	137	137	137
Hàn Quốc	1,089	1,281	1,281	9,225
Sri Lanka	-2	3	2	4
Đài Loan	1,109	-1,289	-1,289	9,958
Thái Lan	-62	-291	-291	-3,397
Việt Nam	-27	-100	-100	-132

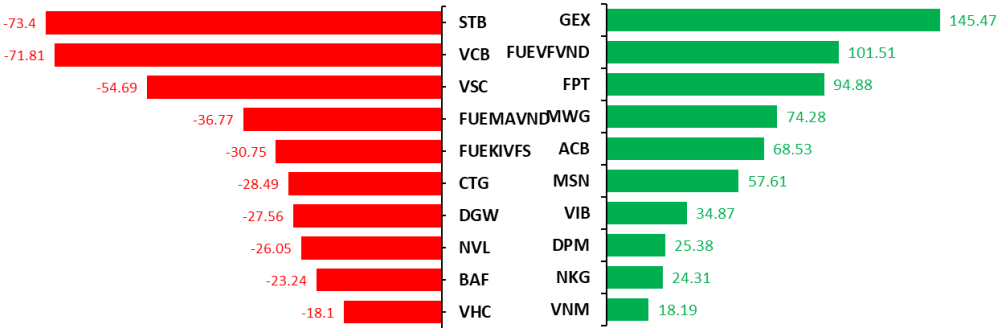
* Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

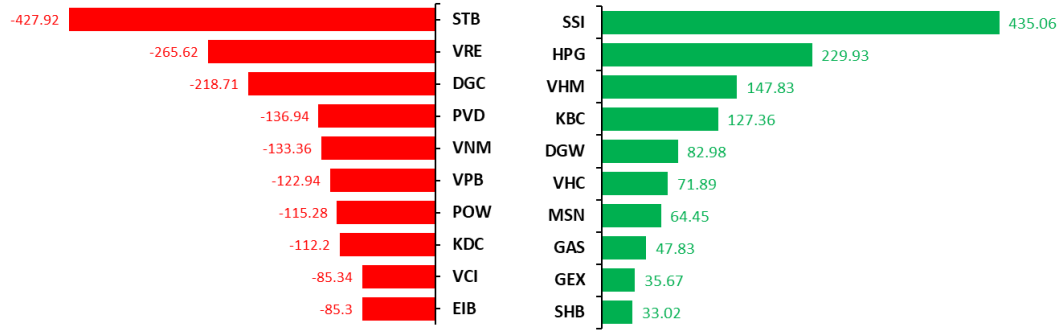
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-9	-207	290	-83
Tài nguyên Cơ bản	20	165	-302	137
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61	-19	137	-118
Y tế	0	9	-4	-5
Hóa chất	34	-153	50	103
Dịch vụ tài chính	75	152	-353	201
Du lịch và Giải trí	-7	-14	26	-12
Ngân hàng	-112	-363	538	-175
Xây dựng và Vật liệu	-14	-121	8	113
Thực phẩm và đồ uống	62	-13	81	-69
Bán lẻ	67	106	-89	-17
Điện, nước & xăng dầu khí đ	24	-73	66	7
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2	-43	18	26
Công nghệ Thông tin	96	-3	6	-3
Ô tô và phụ tùng	1	7	-20	12
Bảo hiểm	-1	16	-17	1
Dầu khí	3	-155	161	-6
Tổng	300	-708	596	112

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

HSX *

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CTF	Ô tô và phụ tùng	17.80 - 40.00	30.0	-16.90%
2	VSC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	27.05 - 39.50	36.3	-5.84%
3	DHG	Y tế	78.00 - 137.00	130.0	-3.63%
4	CAV	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.00 - 72.00	62.5	-3.25%
5	VMD	Sản xuất nông nghiệp	16.10 - 27.25	22.5	-3.23%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
27.36%	10.8	5.28 - 11.75	Xây dựng và Vật liệu	DC4
25.87%	7.2	4.61 - 8.07	Xây dựng và Vật liệu	CRC
17.43%	33.4	20.76 - 45.44	Bất động sản	HDC
17.37%	8.9	5.50 - 9.69	Hóa chất	RDP
17.19%	33.4	7.21 - 15.00	Xây dựng và Vật liệu	LM8

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	THS	Bán lẻ	9.50 - 37.80	12.5	-32.80%
2	SGD	Truyền thông	19.80 - 39.90	21.4	-26.71%
3	VTH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.80 - 11.90	8.5	-26.09%
4	DPC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.60 - 20.40	8.6	-23.21%
5	NAG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.00 - 20.80	12.7	-16.45%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
25.45%	6.9	4.20 - 8.10	Ô tô và phụ tùng	CMC
20.93%	10.4	6.50 - 17.90	Công nghệ Thông tin	UNI
20.80%	42.4	27.10 - 42.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PHN
19.38%	38.8	32.00 - 39.20	Y tế	DTG
18.75%	72.2	34.80 - 80.80	Y tế	DP3

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SCY	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.20 - 20.00	6.2	-45.13%
2	TVG	Xây dựng và Vật liệu	14.60 - 20.00	14.6	-27.00%
3	BHK	Thực phẩm và đồ uống	8.40 - 14.30	8.4	-26.96%
4	SQC	Tài nguyên Cơ bản	2.70 - 21.30	15.5	-26.54%
5	SJC	Xây dựng và Vật liệu	1.30 - 20.00	10.6	-26.39%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
50.41%	18.2	12.10 - 25.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PNP
47.66%	18.9	10.00 - 18.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HLR
45.90%	8.9	4.00 - 9.70	Xây dựng và Vật liệu	E12
42.22%	6.4	3.30 - 7.40	Xây dựng và Vật liệu	L12
35.63%	21.7	8.90 - 25.30	Hàng cá nhân & Gia dụng	VDN

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	SMB	Bia Sài Gòn - Miền Trung	Thực phẩm và đồ uống	1,582.6	3,340.5	39.8	37.00 - 46.00	2.1
2	SJS	SUDICO	Bất động sản	4,035.6	1,378.3	43.3	37.60 - 74.00	3.1
3	TV2	Tư vấn XD Điện 2	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12,101.8	193.3	33.6	17.05 - 34.30	11.6
4	NCT	DV Hàng hóa Nội Bài	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	915.8	185.7	95.5	81.00 - 97.80	0.7
5	POM	Thép Pomina	Tài nguyên Cơ bản	4,575.6	167.8	7.4	3.24 - 8.25	4.8
6	ACG	Gỗ An Cường	Tài nguyên Cơ bản	868.0	167.5	44.0	32.90 - 67.90	2.6
7	LSS	Mía đường Lam Sơn	Thực phẩm và đồ uống	20,990.3	147.7	13.6	4.15 - 14.05	9.3
8	STB	Sacombank	Ngân hàng	646,792.6	146.2	29.0	14.05 - 30.65	-2.0
9	TDM	Nước Thủ Dầu Một	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8,800.9	141.0	39.8	25.15 - 42.00	4.7
10	CTF	City Auto	Ô tô và phụ tùng	19,379.1	140.7	30.0	17.80 - 40.00	-16.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

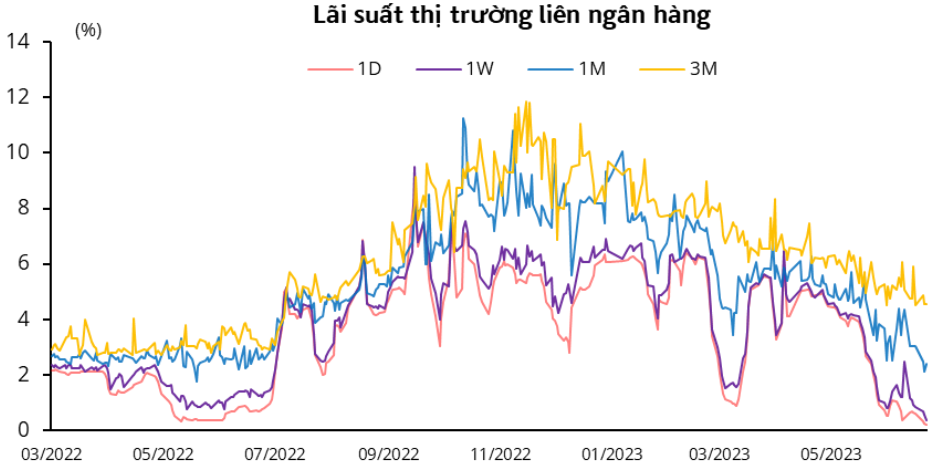
Tỷ giá

	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	99.78	-2.44	-3.08	-1.75	-3.62	
VND/USD	23,643	-0.04	0.61	0.85	0.04	
KRW/USD	1,266.10	-3.00	-0.97	-2.54	0.05	
JPY/USD	138.46	-2.64	-1.16	3.49	5.60	
EUR/USD	0.89	-2.36	-3.57	-2.13	-4.69	
SGD/USD	1.32	-1.97	-1.57	-0.74	-1.43	
CNY/USD	7.14	-1.21	-0.33	3.92	3.47	

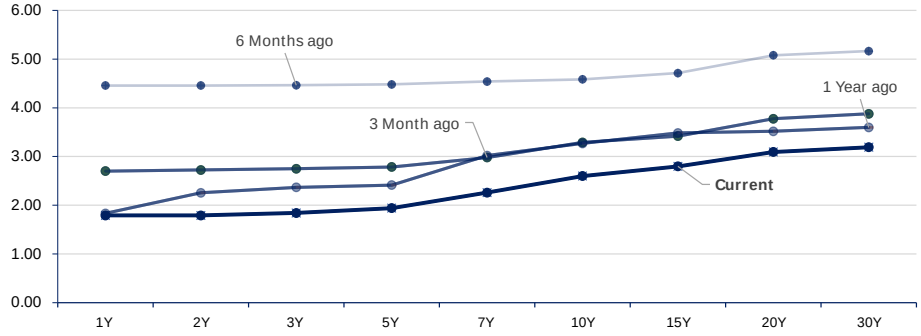
Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	76.87	4.08	12.60	-6.85	-4.22	
Xăng	267.60	3.35	4.75	-5.64	8.80	
Gas	2.56	-0.74	9.44	21.24	-42.73	
Than	128.00	-8.34	-3.21	-32.90	-68.33	
Vàng	1,956.62	1.64	0.73	-2.37	7.27	
Bạc	24.75	7.20	3.48	-2.35	3.33	
Platinum	972.85	6.45	-0.84	-7.23	-9.44	
Quặng sắt	110.95	-1.18	-1.33	-7.48	-0.30	
Thép cán	3,872.00	-0.13	0.08	-8.42	-6.63	
Lúa mì	627.50	-3.01	-1.38	-5.92	-20.77	
Ngô	593.50	4.72	-3.10	-9.01	-12.53	

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.79	1.79	1.84	1.94	2.26	2.60	2.80	3.42	4.71
Thay đổi (BPS)*	-32.30	-33.20	-30.00	-20.30	-15.00	-13.30	-12.60	-7.50	-7.70

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL
Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK
Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG
Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA
PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI
Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH
Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI
Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.